

PHỤ LỤC 1.1
HIỆN TRẠNG QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH, SỐ KHẨU VÀ CÁC YẾU TỐ ĐẶC THÙ CỦA BẢN, TỔ DÂN PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG MƯỜNG LAY (TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Đề án số: 3445ĐA-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của UBND phường Mường Lay)

STT	Tên thôn, bản, tổ dân phố	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Yếu tố đặc thù của thôn, TDP				Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (Nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao..)	Thực hiện sắp xếp hoặc giữ nguyên
				Thôn, TDP thuộc vùng dân tộc thiểu số	Nơi có địa hình chia cắt phức tạp, nằm biệt lập	Có yếu tố về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán	Thôn có đường biên giới hoặc hình thành để bảo vệ đường biên giới		
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>		<i>9</i>
I	BẢN	3086							
1	Bản Xá	93	368	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
2	Bản Nghé Toong	36	142	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
3	Bản Chi Luông 2	51	178	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
4	Bản Đór	87	290	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
5	Bản Chi Luông 1	81	275	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
6	Bản Na Nát	109	409	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
7	Bản Quan Chiêng	59	218	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
8	Bản Đán	45	162	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
9	Bản Hóc	170	638	x		x		x	Giữ nguyên
10	Bản Nậm Cản	77	317	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
11	Bản Na Ka	51	176	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
12	Bản Ổ	47	169	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
13	Bản Bắc I	74	318	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
14	Bản Bắc II	70	257	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
15	Bản Ho Luông 1	87	295	x		x		x	Thực hiện sắp xếp

STT	Tên thôn, bản, tổ dân phố	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Yếu tố đặc thù của thôn, TDP				Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (Nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao..)	Thực hiện sắp xếp hoặc giữ nguyên
				Thôn, TDP thuộc vùng dân tộc thiểu số	Nơi có địa hình chia cắt phức tạp, nằm biệt lập	Có yếu tố về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán	Thôn có đường biên giới hoặc hình thành để bảo vệ đường biên giới		
16	Bản Ho Luông 2	111	404	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
17	Bản Ho Luông III	102	384	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
18	Bản Hô Nậm Cản	79	535	x		x			Giữ nguyên
19	Bản Hô Huổi Luông	85	462	x		x		x	Giữ nguyên
20	Bản Mo 1	76	319	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
21	Bản Mo 2	63	274	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
22	Bản Ho Cang	101	397	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
23	Bản Tạo Sen	107	408	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
24	Bản Lé	90	385	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
25	Bản Ló	137	528	x		x		x	Thực hiện sắp xếp
26	Bản Huổi Luân	30	165	x		x			Giữ nguyên
27	Bản Phi Hai	180	1096	x		x			Giữ nguyên
28	Bản Đề Dê	110	641	x		x			Giữ nguyên
29	Bản Sá Ninh	126	943	x		x		x	Giữ nguyên
30	Bản Dế Da	134	988	x		x			Thực hiện sắp xếp
31	Bản Trung Ghênh	73	438	x		x			Thực hiện sắp xếp
32	Bản Sá Tổng	78	674	x		x			Giữ nguyên
33	Bản Xà Phìn 1	80	507	x		x			Thực hiện sắp xếp
34	Bản Xà Phìn 2	121	903	x		x			Thực hiện sắp xếp

STT	Tên thôn, bản, tổ dân phố	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Yếu tố đặc thù của thôn, TDP				Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (Nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao..)	Thực hiện sắp xếp hoặc giữ nguyên
				Thôn, TDP thuộc vùng dân tộc thiểu số	Nơi có địa hình chia cắt phức tạp, nằm biệt lập	Có yếu tố về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán	Thôn có đường biên giới hoặc hình thành để bảo vệ đường biên giới		
35	Bản Háng Mùa Lừ	45	383	x	x	x			Giữ nguyên
36	Bản Huổi Min	21	137	x		x		x	Giữ nguyên
II	TỔ DÂN PHỐ	882							Thực hiện sắp xếp
1	Tổ dân phố 1	91	310	x				x	Thực hiện sắp xếp
2	Tổ dân phố 2	123	316	x				x	Thực hiện sắp xếp
3	Tổ dân phố 3	65	222	x				x	Thực hiện sắp xếp
4	Tổ dân phố 4	166	552	x				x	Thực hiện sắp xếp
5	Tổ dân phố 5	70	167	x				x	Thực hiện sắp xếp
6	Tổ dân phố 6	114	356					x	Thực hiện sắp xếp
7	Tổ dân phố 7	56	176	x				x	Thực hiện sắp xếp
8	Tổ dân phố 8	51	320	x				x	Thực hiện sắp xếp
9	Tổ dân phố 9	46	115	x				x	Thực hiện sắp xếp
10	Tổ dân phố 10	49	112	x				x	Thực hiện sắp xếp
11	Tổ dân phố 11	51	210	x				x	Thực hiện sắp xếp
Tổng:		3968	18039						

PHỤ LỤC 1.2
DANH SÁCH NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở BẢN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG MƯỜNG LAY
(TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Đề án số: 3445/ĐA-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của UBND phường Mường Lay)

STT	Chức danh	Họ và tên	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Đảng viên	Tôn giáo	Trình độ văn hoá	Chuyên môn		Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm (yyyy)						Trình độ	Chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	BẢN														
1	Bản Xá														
	Bí thư chi bộ	Điêu Đức Duy	20	01	1986	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Điêu Trung Hiếu	28	11	1979	Nam	Thái	x	Không	TH	SC	Thú y			
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lò Thị Toán			1962	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
2	BảnNghe Toong														
	Bí thư chi bộ	Điêu Văn Dưỡng	05	01	1979	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Vàng Văn Ngoai			1971	Nam	Thái	x	Không	THCS					
3	Bản Chi Luông 2														
	Bí thư chi bộ	Lù Văn Bin	26	12	1967	Nam	Thái	x	Không	THCS			SC		
	Trưởng bản	Hoàng Văn Luyện	26	06	1982	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lò Thị Thuận			1979	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
4	Bản Đór														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Trung	11	6	1965	Nam	Thái	x	Không	THCS			SC		
	Trưởng bản	Chui Văn Nghĩa	17	12	1988	Nam	Thái	x	Không	THCS	TC	Tin học Văn phòng			
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Điêu Thị Vượng			1971	Nữ	Thái	x	Không	TH					
	Bản Chi Luông 1														
	Bí thư chi bộ	Mào Văn Phóng	8	11	1969	Nam	Thái	x	Không	THCS					

STT	Chức danh	Họ và tên	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Đảng viên	Tôn giáo	Trình độ văn hoá	Chuyên môn		Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm (yyyy)						Trình độ	Chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Trưởng bản	Chiu Văn Quảng	18	10	1996	Nam	Thái	x	Không	THPT					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lò Thị Huyền Giang			1984	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
6	Bản Na Nát														
	Bí thư chi bộ	Mào Văn Đức	12	12	1989	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Điêu Văn Bằng	26	6	1988	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Hoàng Thị Giang			1976	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
7	Bản Quan Chiêng														
	Bí thư chi bộ	Vàng Văn Vượng	10	01	1970	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Vàng Văn Sương			1963	Nam	Thái	x	Không	THCS			TC		
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lò Văn Thường			1968	Nam	Thái	x	Không	THCS					
8	Bản Đán														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Trường	01	10	1977	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Chiu Văn Tuân	15	1	1992	Nam	Thái	x	Không	THCS			SC		
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Khoảng Thị Toán			1979	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
9	Bản Ổ														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Sơn	02	3	1959	Nam	Thái	x	Không	THPT			SC		
	Trưởng bản	Lâm Văn Thẩm	14	7	1969	Nam	Thái	x	Không	THCS	SC	Y tá			
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Khoảng Văn Phiêng	7	8	1962	Nam	Thái	x	Không	THCS			TC		
10	Bản Bắc I														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Phiên	02	6	1967	Nam	Thái	x	Không	THCS			TC		
	Trưởng bản	Lò Thanh Hương	19	6	1981	Nam	Thái	x	Không	THCS					

STT	Chức danh	Họ và tên	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Đảng viên	Tôn giáo	Trình độ văn hoá	Chuyên môn		Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm (yyyy)						Trình độ	Chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Điêu Thị Diêng	12	5	1983	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
11	Bản Bắc II														
	Bí thư chi bộ	Lò Thị Miên	16	7	1975	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Mào Văn Tuyển	28	3	1994	Nam	Thái	x	Không	THPT	TC	Lâm nghiệp			
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Mào Thị Ván	09	7	1964	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
12	Bản Ho Luông 1														
	Bí thư chi bộ	Lò Thị Việt	16	7	1979	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Lò Văn Chiu	15	7	1953	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Khoảng Văn Yêu			1974	Nam	Thái	x	Không	THCS					
13	Bản Ho Luông 2														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Hoi	11	6	1960	Nam	Thái	x	Không	THCS	TC		SC		
	Trưởng bản	Điêu Chính Văn	03	9	1973	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lò Thị Thùy	09	10	1983	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
14	Bản Ho Luông III														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Quyết	06	6	1962	Nam	Thái	x	Không	THCS			SC		
	Trưởng bản	Khoảng Văn Phúc	28	2	1981	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Mào Thị Nghiệp			1991	Nữ	Thái		Không	THPT					
15	Bản Na Ka														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Việt	14	11	1970	Nam	Thái	x	Không	THCS			SC		
	Trưởng bản	Hoàng Bá Quý	12	12	1983	Nam	Thái	x	Không	THCS			SC		

STT	Chức danh	Họ và tên	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Đảng viên	Tôn giáo	Trình độ văn hoá	Chuyên môn		Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm (yyyy)						Trình độ	Chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Điêu Văn Lun	17	5	1971	Nam	Thái	x	Không	THCS					
16	Bản Nậm Cắn														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Toan	12	10	1974	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Lò Văn Lực	19	8	1978	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lù Thị Điều			1965	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
17	Bản Mo 1														
	Bí thư chi bộ	Lò Việt Dũng	12	6	1974	Nam	Thái	x	Không	THCS			SC		
	Trưởng bản	Mào Văn Chanh	7	8	1987	Nam	Thái	x	Không	THPT	TC	Lâm sinh			
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Khoảng Thị Thêm	10	11	1980	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
18	Bản Mo 2														
	Bí thư chi bộ	Vi Trọng Hường	05	4	1966	Nam	Thái	x	Không	THCS			SC		
	Trưởng bản	Lâm Văn Đoàn	24	2	1982	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lò Văn Chủ			1984	Nam	Thái	x	Không	THCS					
19	Bản Ho Cang														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Trường	12	9	1968	Nam	Thái	x	Không	THCS			SC		
	Trưởng bản	Lò Văn Bộ	23	9	1971	Nam	Thái	x	Không	THCS	TC	Công nghệ thông tin			
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lò Văn Tấn	26	9	1968	Nam	Thái	x	Không	THCS					
20	Bản Tạo Sen														
	Bí thư chi bộ	Mào Văn Nguyễn	16	4	1974	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Lò Văn Vén	3	6	1971	Nam	Thái	x	Không	THCS					

STT	Chức danh	Họ và tên	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Đảng viên	Tôn giáo	Trình độ văn hoá	Chuyên môn		Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm (yyyy)						Trình độ	Chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lò Thị Lai	09	9	1965	Nữ	Thái	x	Không	THCS			SC		
21	Bản Ló														
	Bí thư chi bộ	Khoảng Văn Nhiên	08	07	1980	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Lò Văn Truyện	26	7	1990	Nam	Thái	x	Không	THPT					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lò Thị Thương	7	9	1973	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
22	Bản Lé														
	Bí thư chi bộ	Điêu Văn Oai	28	01	1974	Nam	Thái	x	Không	THCS			SC		
	Trưởng bản	Lù Văn Tâm	28	12	1983	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Điêu Văn Doan	19	8	1972	Nam	Thái	x	Không	THCS					
23	Bản Dế Đa														
	Bí thư chi bộ	Giàng A So			1983	Nam	Mông	x	Không	Tiểu học					
	Trưởng bản	Giàng A Lẻnh	23	9	1988	Nam	Mông	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Giàng A Cửa			1994	Nam	Mông		Không	THCS					
24	Bản Trung Ghênh														
	Bí thư chi bộ	Sùng A Tính	28	2	1974	Nam	Mông	x	Không	Tiểu học					
	Trưởng bản	Hờ A Mùa	2	7	1989	Nam	Mông	x	Không	TH					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Vàng A Trai	12	8	1979	Nam	Mông	x	Không	Tiểu học					
25	Bản Xà Phìn 1														
	Bí thư chi bộ	Giàng A Chứ	20	5	1988	Nam	Mông	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Giàng A Vừ	29	4	1989	Nam	Mông	x	Không	THPT					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Giàng A Hù	3	4	1990	Nam	Mông	x	Không	THCS					

STT	Chức danh	Họ và tên	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Đảng viên	Tôn giáo	Trình độ văn hoá	Chuyên môn		Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm (yyyy)						Trình độ	Chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
26	Bản Xà Phìn 2														
	Bí thư chi bộ	Giàng A Chứ	26	3	1991	Nam	Mông	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Giàng A Phong	18	4	1984	Nam	Mông	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Giàng A Lý	8	7	1991	Nam	Mông	x	Không	THPT	CĐ	GDTH			
27	Bản Huổi Min														
	Bí thư chi bộ	Lầu A Hờ	12	12	1987	Nam	Mông	x	Không	TH					
	Trưởng bản	Lầu A Sò	20	03	1983	Nam	Mông	x	Không	TH					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lầu A Pá	06	01	1998	Nam	Mông	x	Không	THCS					
28	Bản Hốc														
	Bí thư chi bộ	Tòng Văn Lơ	25	5	1964	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Tòng Văn Hoa	13	8	1962	Nam	Thái	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lù Thị Huyền			1974	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
29	Bản Hô Nậm Cản														
	Bí thư chi bộ	Giàng A Phía	05	8	1982	Nam	Mông	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Ly A Vân	5	1	1996	Nam	Mông	x	Không	THPT			SC		
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Sùng A Châu	13	6	1996	Nam	Mông		Không	THCS					
30	Bản Hô Huổi Luông														
	Bí thư chi bộ	Giàng A Chia	15	3	1984	Nam	Mông	x	Không	THCS					
	Trưởng bản	Hờ A Nhè	28	9	1990	Nam	Mông	x	Không	THCS			SC		
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Hờ A Ly	2	1	1992	Nam	Mông	x	Không	THCS					

STT	Chức danh	Họ và tên	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Đảng viên	Tôn giáo	Trình độ văn hoá	Chuyên môn		Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm (yyyy)						Trình độ	Chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
31	Bản Huỗi Luân														
	Bí thư chi bộ	Giàng A Lữ	05	10	1993	Nam	Mông	x	Không	THPT			SC		
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Giàng A Dũng	8	1	1998	Nam	Mông	x	Không	THPT					
32	Bản Phi Hai														
	Bí thư chi bộ	Giàng A Mo	8	9	1982	Nam	Mông	x	Không	Tiểu học					
	Trưởng bản	Giàng Chồng Dính	23	8	1979	Nam	Mông	x	Không	TH					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Hờ A Dia	8	9	1986	Nam	Mông	x	Không	Tiểu học					
33	Bản Đề Đề														
	Bí thư chi bộ	Sùng A Lầu			1980	Nam	Mông	x	Không	Tiểu học					
	Trưởng bản	Sùng Chính Tung	22	9	1968	Nam	Mông	x	Không	TH					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Giàng A Sính	15	12	1986	Nam	Mông	x	Không	THCS					
34	Bản Sá Ninh														
	Bí thư chi bộ	Hờ A Trầu			1985	Nam	Mông	x	Không	Tiểu học					
	Trưởng bản	Hầu A Phía	14	7	1986	Nam	Mông	x	Không	THPT	TC				
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Sùng Gà Dế			1983	Nam	Mông	x	Không	Tiểu học					
35	Bản Sá Tổng														
	Bí thư chi bộ	Hờ A Vinh			1996	Nam	Mông	x	Không	THPT	ĐH	Luật			
	Trưởng bản	Hờ A Hòa	2	2	1992	Nam	Mông	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Hờ A Bình	18	10	1982	Nam	Mông		Không	Tiểu học					
	Bản Háng Mùa Lừ														
	Bí thư chi bộ	Giàng A Vư	12	5	1986	Nam	Mông	x	Không	THCS					

STT	Chức danh	Họ và tên	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Đảng viên	Tôn giáo	Trình độ văn hoá	Chuyên môn		Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm (yyyy)						Trình độ	Chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
36	Trưởng bản	Giàng A Vừ	01	01	1991	Nam	Mông		Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Giàng A Pỉnh			2001	Nam	Mông		Không	THCS					
II	TỔ DÂN PHỐ														
1	Tổ dân phố 1														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Trường	10	12	1963	Nam	Thái	x	Không	THPT	TC	Kế toán thương mại			
	Tổ trưởng tổ dân phố	Lường Thị Thuyết	20	10	1990	Nữ	Thái	x	Không	THPT	CD	Kế toán ngân hàng			
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Trịnh Quang Kha			1967	Nam	Kinh		Không	THPT					
2	Tổ dân phố 2														
	Bí thư chi bộ	Đỗ Thị Nhuận	16	11	1957	Nữ	Kinh	x	Không	THCS	TC	Mầm non	TC		
	Tổ trưởng tổ dân phố	Hoàng Công Dũng	20	04	1978	Nam	Kinh	x	Không	THPT					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Tô Văn Thống			1982	Nam	Kinh		Không	THCS					
3	Tổ dân phố 3														
	Bí thư chi bộ	Trần Thị Thanh Hương	22	7	1971	Nữ	Kinh	x	Không	THPT	ĐH	Sư phạm tiểu học	TC	CV	
	Tổ trưởng tổ dân phố	Phạm Thị Viên	18	6	1967	Nữ	Kinh	x	Không	THCS	CD	Sư phạm Mầm non			
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Nguyễn Công Biên			1960	Nam	Kinh	x	Không	THPT					
4	Tổ dân phố 4														
	Bí thư chi bộ	Lò Văn Khánh	01	8	1964	Nam	Thái	x	Không	THPT	TC	CA	SC		
	Tổ trưởng tổ dân phố	Lò Thị Luyến	11	4	1970	Nữ	Thái	x	Không	THCS	SC				
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Nguyễn Bá Chiến			1980	Nam	Kinh		Không	THPT					

STT	Chức danh	Họ và tên	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Đảng viên	Tôn giáo	Trình độ văn hoá	Chuyên môn		Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm (yyyy)						Trình độ	Chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Tổ dân phố 5														
	Bí thư chi bộ	Trần Xuân Ty	2	11	1960	Nam	Kinh	x	Không	THCS	TC	Công an nhân dân	SC		
	Tổ trưởng tổ dân phố	Hoàng Thị Sơ	02	09	1962	Nữ	Thái	x	Không	THPT	ĐH	Kinh tế	TC		
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lại Quang Tặng			1971	Nam	Kinh		Không	THCS					
6	Tổ dân phố 6														
	Bí thư chi bộ	Trần Thị Nguyệt	19	7	1965	Nữ	Kinh	x	Không	THPT	ĐH	Luật	TC		
	Tổ trưởng tổ dân phố	Trần Văn Sáng	16	01	1977	Nam	Kinh	x	Không	THPT	TC	Kinh tế	SC		
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Vũ Hồng Minh			1970	Nam	Kinh	x	Không	THCS			SC		
7	Tổ dân phố 7														
	Bí thư chi bộ	Điêu Văn Phòng	01	5	1970	Nam	Thái	x	Không	THPT			SC		
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lò Thị Kiều	01	04	1979	Nữ	Thái	x	Không	THCS					
8	Tổ dân phố 8														
	Bí thư chi bộ	Giang Lê Thịnh	15	10	1961	Nam	Kinh	x	Không	THPT	CĐ	Văn Sử Địa			
	Tổ trưởng tổ dân phố	Phạm Đức Duyên	14	10	1972	Nam	Kinh	x	Không	THCS					
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lưu Thị Long	05	05	1966	Nữ	Kinh		Không	THPT	CĐ	Mầm Non			
9	Tổ dân phố 9														
	Bí thư chi bộ	Đoàn Thị Bảy	02	4	1960	Nữ	Kinh	x	Không	THPT	CĐ	Tiểu học Sư phạm	SC	BD	
	Tổ trưởng tổ dân phố	Nguyễn Thị Miên	09	12	1964	Nữ	Kinh	x	Không	THCS	CĐ	Mầm Non			
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Vàng Thị Sơn	26	05	1979	Nữ	Thái	x	Không	THCS					

STT	Chức danh	Họ và tên	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Đảng viên	Tôn giáo	Trình độ văn hoá	Chuyên môn		Lý luận chính trị	Quản lý nhà nước	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm (yyyy)						Trình độ	Chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Tổ dân phố 10														
	Bí thư chi bộ	Lã Văn Hạnh	13	07	1963	Nam	Kinh	x	Không	THCS	SC	Quân sự	TC		
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Lù Văn Túng	14	07	1956	Nam	Thái		Không	THCS					
11	Tổ dân phố 11														
	Bí thư chi bộ	Đỗ Văn Vinh	10	10	1976	Nam	Kinh	x	Không	THPT			TC		
	Tổ trưởng tổ dân phố	Lù Văn Chung	09	09	1996	Nam	Thái	x	Không	THPT	CĐ	SP			
	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	Khoàng Văn Nguyên	21	05	1959	Nam	Thái		Không	TH					

PHỤ LỤC 1.3
TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở BẢN, TỔ DÂN PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG MƯỜNG LAY (TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Đề án số: 3445/ĐA-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của UBND phường Mường Lay)

ST T	Chức danh	Tổng số	Độ tuổi						Nữ	Dân tộc	Đảng viên	Văn hóa phổ thông			Chuyên môn					Lý luận Chính trị				Số lượng người thực hiện chính sách tỉnh giảm biên chế sau khi sắp xếp thôn, TDP	Ghi chú
			Từ 30 tuổi trở xuống	Từ 31-40	Từ 41-50	Từ 51-55	Từ 55-60	Từ 60				Tiểu học	THCS	THPT	Chưa qua đào tạo	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên đại học	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
1	Bí thư chi bộ	47	1	7	10	8	8	13	6	39	47	6	30	11	37	5	2	3		26	15	6			
2	Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố	43	3	14	13	4	5	4	5	38	39	6	26	11	38		4	1		42		1			
3	Trưởng ban công tác Mặt trận	47	4	7	16	8	4	8	18	40	35	6	34	7	45		2			45	1	1			
Tổng:		137	8	28	39	20	17	25	29	117	121	18	90	29	120	5	8	4		113	16	8			